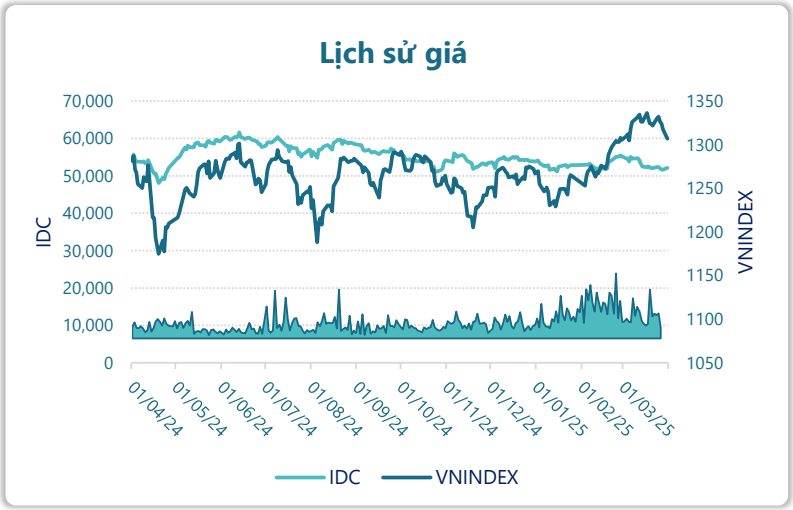
FireAnt

Tổng công ty IDICO - CTCP (HNX: IDC)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**54,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	61,615
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	48,066
SL cổ phiếu LH	329,999,929
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,067,930
% sở hữu nước ngoài	16.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	17,820
P/E	10.8
EPS	4,983

DT thuần

Q1/25

1,793

tỷ VNĐ

QoQ: ▼162| -8.3%

YoY: ▼674| -27.3%

LN sau thuế

Q1/25

417

tỷ VNĐ

QoQ: ▼21.0| -4.8%

YoY: ▼380| -47.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

35.3%

+/- YoY: ▲ 4.3%

DT thuần

2024

8,846

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,609| 22.2%

LN sau thuế

2024

2,392

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 736| 44.5%

ROE

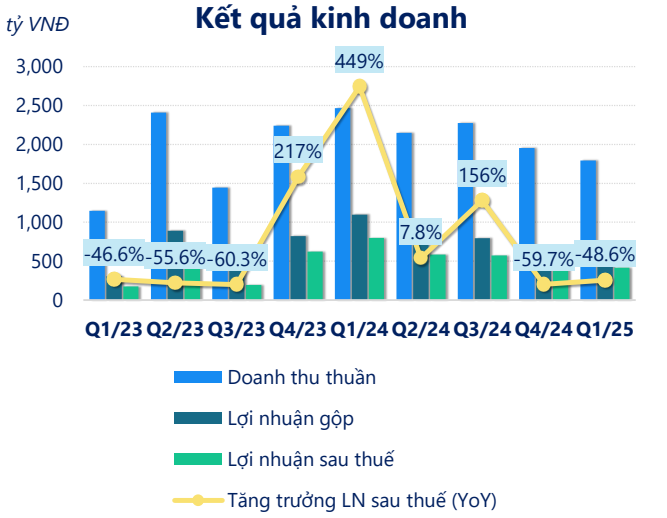
2024

29.8%

+/- YoY: ▲ 7.2%

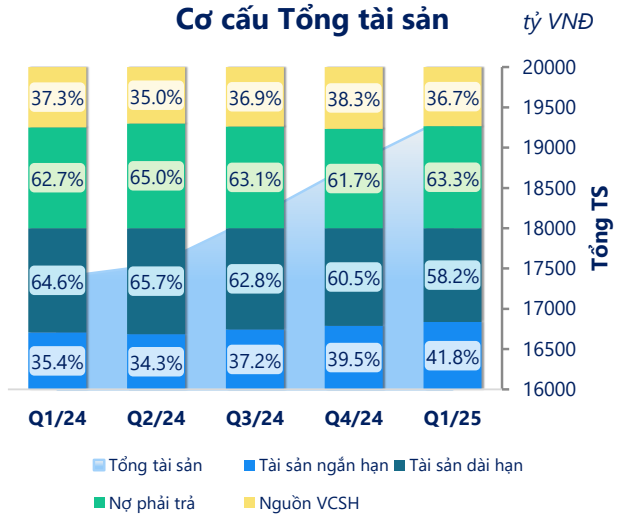
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



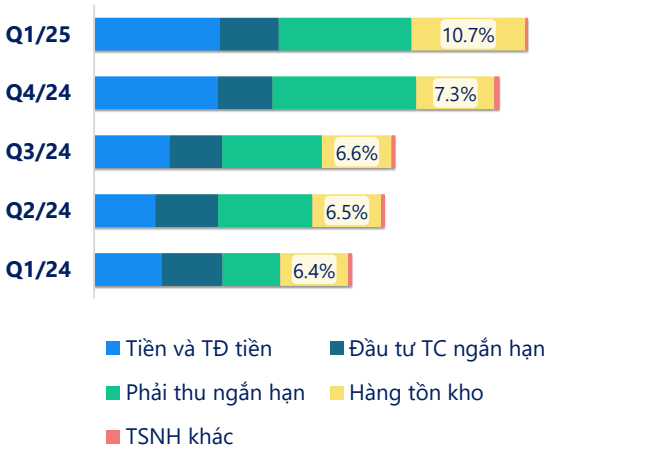
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



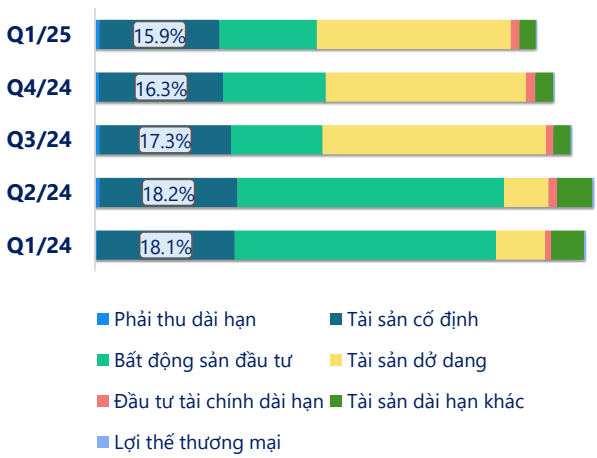
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



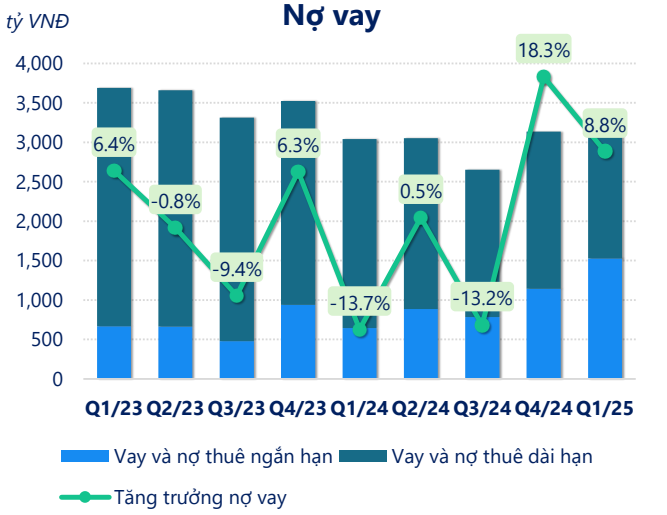
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



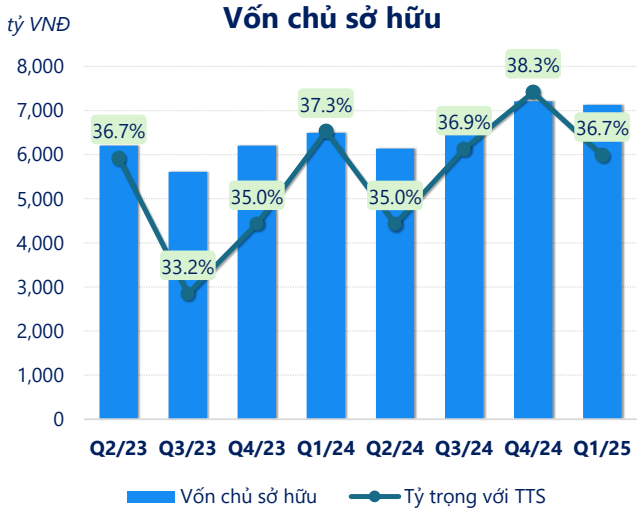
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



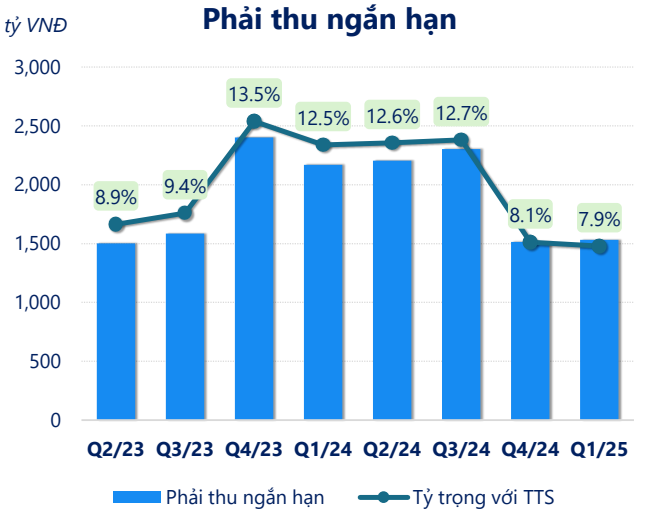
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



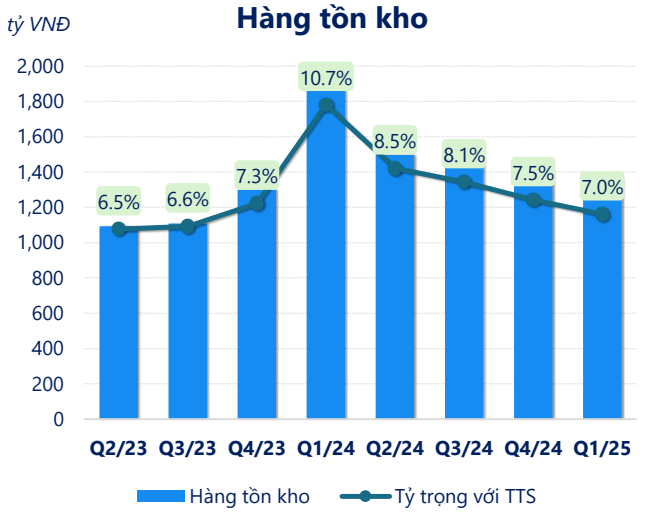
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



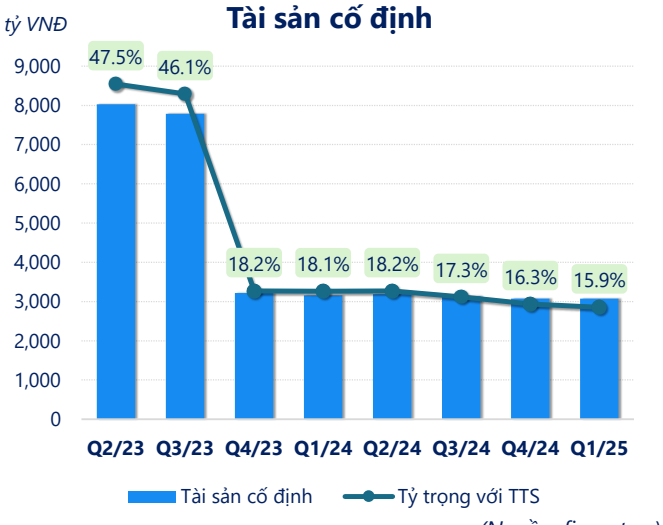
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



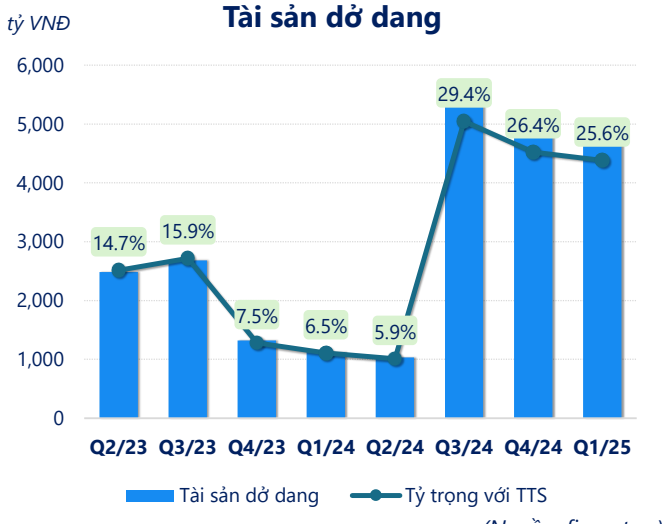
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



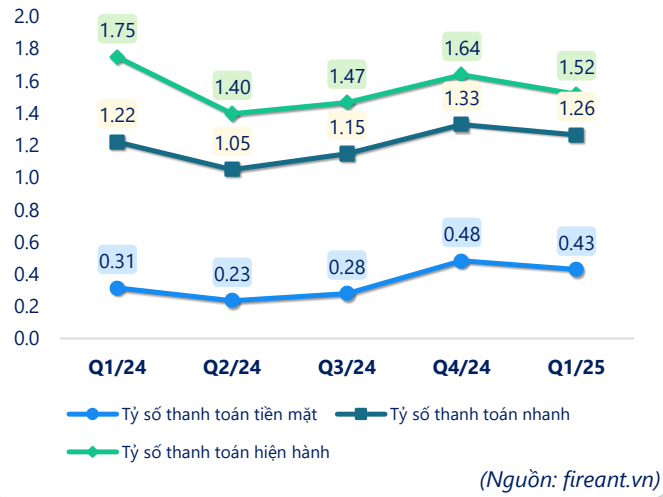
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



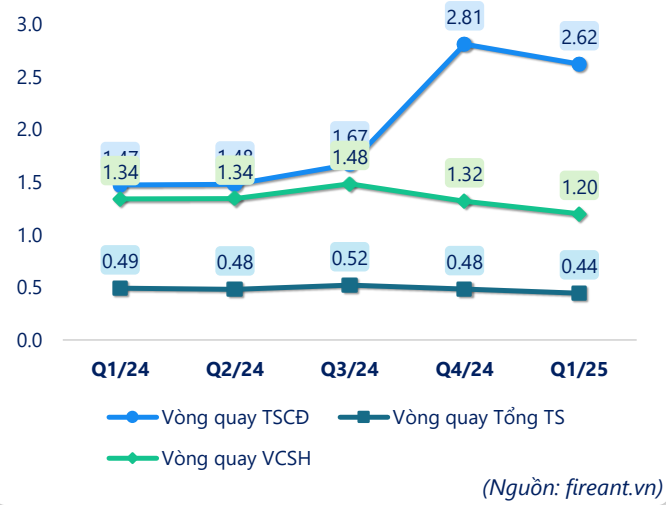
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**17,386**	**17,544**	**18,135**	**18,800**	**19,410**
Tài sản ngắn hạn	**6,149**	**6,016**	**6,744**	**7,422**	**8,117**
Tiền và tương đương tiền	1,108	1,010	1,288	2,188	2,293
Đầu tư tài chính ngắn hạn	967	1,266	1,633	2,264	2,908
Phải thu ngắn hạn	2,169	2,204	2,302	1,515	1,531
Hàng tồn kho	1,858	1,496	1,461	1,401	1,352
Tài sản ngắn hạn khác	47.5	38.4	59.9	54.2	33.1
Tài sản dài hạn	**11,237**	**11,529**	**11,391**	**11,377**	**11,293**
Phải thu dài hạn	44.9	103	103	103	110
Tài sản cố định	3,155	3,187	3,145	3,070	3,077
Bất động sản đầu tư	5,978	6,156	2,182	2,538	2,480
Tài sản dở dang	1,122	1,034	5,338	4,959	4,961
Đầu tư tài chính dài hạn	138	189	179	228	219
Tài sản dài hạn khác	755	820	407	447	417
Lợi thế thương mại	42.7	39.1	35.6	32.1	28.6
Nợ phải trả	**10,894**	**11,406**	**11,444**	**11,591**	**12,281**
Nợ ngắn hạn	**3,519**	**4,309**	**4,602**	**4,532**	**5,349**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	644	887	785	1,144	1,528
Phải trả người bán ngắn hạn	293	298	283	302	279
Nợ dài hạn	7,375	7,097	6,842	7,059	6,932
Vay và nợ thuê dài hạn	2,395	2,166	1,866	1,992	1,885
Nguồn vốn chủ sở hữu	**6,492**	**6,138**	**6,691**	**7,208**	**7,130**
Vốn chủ sở hữu	**6,492**	**6,138**	**6,691**	**7,208**	**7,130**
Vốn điều lệ	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)